



ruǎn mián mián

软绵绵

adjective · soft; weak; flabby

Example Sentences

zhè kuài dàn gāo chī qǐ lái ruǎn mián mián de
这块蛋糕吃起来软绵绵的。

This piece of cake tastes soft and fluffy.

tā shēng bìng hòu hún shēn ruǎn mián mián de méi yǒu lì qì
他生病后浑身软绵绵的，没有力气。

After falling ill, his whole body felt weak and limp.

Trace each character, then write the word on your own.

软	软	软	软	软	软	软	软	软	软	软
绵	绵	绵	绵	绵	绵	绵	绵	绵	绵	绵
绵	绵	绵								
绵	绵	绵	绵	绵	绵	绵	绵	绵	绵	绵
绵	绵	绵								